

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2019/HNGĐ-ST

Ngày 20/9/2019

“V/v: *Tranh chấp ly hôn, nuôi con*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Khuyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Đức Dũng

2. Bà Phạm Thị Ngọc Thi

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Đoàn Thị Bích – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:* ông Trần Văn Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án HNGĐ thụ lý số: 198/2019/TLST-HNGĐ ngày 30/5/2019 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 04/9/2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* anh Lâm Tấn Th, sinh năm: 1990 (*có mặt*)

Địa chỉ: khu 2, ấp S, xã L, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

- *Bị đơn:* chị Huỳnh Thị Ngọc B, sinh năm: 1988 (*vắng mặt*)

Địa chỉ: số nhà 112, ấp T, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 02/5/2019, các lời khai bổ sung và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn anh Lâm Tấn Th trình bày:

Anh và chị Huỳnh Thị Ngọc B trên cơ sở tự nguyện, tìm hiểu thương yêu nhau và bắt đầu chung sống với nhau trước năm 2016, không tổ chức đám cưới. Đến ngày 18/02/2016 thì đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện C, tỉnh Đồng Nai. Sau khi kết hôn anh chị chung sống với nhau hạnh phúc một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng,

Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng theo anh Th trình bày: do anh chị bất đồng quan điểm về tất cả mọi vấn đề trong cuộc sống, cũng như cách chăm sóc con cái, chị B không lo chăm sóc gia đình, không có thu nhập ổn định, thường xuyên đánh bài, anh và gia đình đã khuyên bảo nhiều lần nhưng không thay đổi. Khi con gái anh chị mới được 17 tháng tuổi thì chị B bỏ đi làm quán nhậu lâu lâu mới về thăm nhà một lần. Từ đầu năm 2019 giữa anh và chị B xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, anh và chị B đã sống ly thân nhau từ giữa năm 2017 cho đến nay. Do cuộc sống chung giữa anh và chị B không còn hạnh phúc, tình cảm vợ chồng dành cho nhau không còn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh yêu cầu được ly hôn với chị B.

Quá trình chung sống anh chị có 01 con chung là cháu Lâm Bảo Nh, sinh ngày: 10/3/2016. Khi ly hôn anh yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Nh, không yêu cầu chị B cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: anh xác định vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Theo bản tự khai, các lời khai bổ sung, biên bản hòa giải bị đơn chị Huỳnh Thị Ngọc B trình bày: chị thống nhất với lời trình bày của anh Th về cơ sở tiến tới hôn nhân, quá trình hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung và một phần nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng như anh Th trình bày. Chị thừa nhận giữa anh chị có xảy ra mâu thuẫn, cuộc sống hôn nhân giữa hai vợ chồng không còn hạnh phúc, tình cảm vợ chồng dành cho nhau không còn. Nay anh Th xin ly hôn với chị thì chị đồng ý ly hôn với anh Th. Khi ly hôn chị cũng có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu Nh, không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 16/8/2019 chị B có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

* Các tài liệu, chứng cứ:

Nguyên đơn anh Lâm Tấn Th và chị Huỳnh Thị Ngọc B cung cấp để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là: bản tự khai tường trình về nội dung tranh chấp; chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu của anh chị (bản sao chứng thực); giấy khai sinh của cháu Nh (bản sao); Giấy đăng ký kết hôn (bản chính); Hợp đồng thuê việc (bản chính); Phiếu chi lương tháng 7 và 8 năm 2019 (bản photo). Tài liệu chứng cứ Tòa án thu thập: là biên bản xác minh về nơi cư trú của chị B (bản chính).

* Quan điểm của Viện kiểm sát huyện C: trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký đều làm đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành và thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo tố tụng, bị đơn không chấp hành và thực hiện đúng các

quyền, nghĩa vụ theo tổ tụng và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt chị B là phù hợp.

Đại diện VKS huyện C không có kiến nghị gì.

Về nội dung: áp dụng Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho anh Th và chị B ly hôn; về tài sản chung và nợ chung: không xem xét; về con chung anh Th và chị B đều có yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Nh, xét thấy cần tiến hành thu thập lời khai của mẹ chị B và bổ sung thêm lời khai của chị B để làm rõ thêm trong thời gian anh Th và chị B còn chung sống với nhau và khi chị B bỏ đi làm lúc cháu Nh 17 tháng tuổi thì ai có phải anh Th là người thường xuyên trực tiếp, chăm sóc đưa đón cháu Nh đi học không? những ngày anh Th bận trực thì có phải mẹ chị B là người đưa đón cháu hay không? chị B có chăm sóc tốt cho người con riêng của mình hay không để xem xét giao cháu Nh cho anh Th là người trực tiếp nuôi dưỡng sẽ tốt hơn. Vì vậy Kiểm sát viên đề nghị HĐXX tạm ngừng phiên tòa để thu thập thêm các chứng cứ này theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 259 Bộ luật tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và tư cách tham gia tố tụng: anh Lâm Tấn Th khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn chị Huỳnh Thị Ngọc B, xin nuôi dưỡng con chung nên đây là vụ án về "Tranh chấp ly hôn và nuôi con" theo khoản 1 Điều 28 của BLTTDS.

Về tư cách tham gia tố tụng: anh Th có đơn khởi kiện xin ly hôn chị B nên xác định anh Th là nguyên đơn và chị B là bị đơn.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn chị Huỳnh Thị Ngọc B có hộ khẩu thường trú và nơi cư trú tại: số nhà 112, ấp T, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết Tòa án nhân dân huyện C.

[3] Về thủ tục tố tụng: chị Huỳnh Thị Ngọc B có đơn xin giải quyết và xét xử vắng mặt tại Tòa án nhân dân huyện C. Vì vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật TTDS Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị B là phù hợp.

[4] Về quan hệ hôn nhân: anh Lâm Tấn Th và chị Huỳnh Thị Ngọc B đã tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện C, tỉnh Đồng Nai vào năm 2016; đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 05/2016 ngày 18/02/2016, đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

[5] Xét yêu cầu xin ly hôn của anh Th nhận thấy:

Nguyên nhân mâu thuẫn theo anh Th trình bày do anh chị bất đồng quan điểm sống về tất cả mọi vấn đề trong cuộc sống, việc nuôi dạy, chăm sóc con; chị B chăm lo cho gia đình, không có công việc và thu nhập ổn định, thường xuyên

đánh bài, không nghe những lời khuyên bảo từ gia đình, cuộc sống chung của vợ chồng không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng giữa anh và chị B không còn, anh chị đã sống ly thân nhau nên anh yêu cầu được ly hôn với chị B.

Tuy chị B không thống nhất nguyên nhân mâu thuẫn hoàn toàn như anh Th trình bày nhưng chị thừa nhận vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, cuộc sống hôn nhân giữa hai vợ chồng không còn hạnh phúc. Hiện tại tình cảm vợ chồng chỉ dành cho anh Th không còn, đôi bên đã sống ly thân nhau nên chị đồng ý ly hôn với anh Th. Xét thấy anh chị đã sống ly thân nhau, tình cảm vợ chồng giữa anh chị không còn khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận cho anh Th được ly hôn với chị B.

[6] Về con chung: cả anh Th và chị B đều có yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Lâm Bảo Nh. Qua lời trình bày của anh chị thì thấy từ khi cháu Nh được sinh ra thì cả anh Th và chị B đều là người trực tiếp chăm sóc cháu, mặc dù anh chị đã sống ly thân nhau, nhưng anh Th vẫn thường xuyên lui tới, chăm sóc cháu Nh. Vào năm 2017 anh Th đã từng nộp đơn yêu cầu được ly hôn với chị B, khi ly hôn anh mong muốn được nuôi dưỡng cháu Nh, nhưng do khi đó cháu Nh chưa đủ 03 tuổi nên anh đã rút đơn khởi kiện chờ đến khi cháu Nh đủ 03 tuổi thì anh đã nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Bích và dành quyền nuôi cháu Nh. Hiện tại anh Th làm tài xế lái xe cho Công ty TNHH Cảng Quốc Tế, Tân Cảng Cái Mép có công việc và thu nhập ổn định, có gia đình phụ giúp trong việc nuôi con khi anh đi làm, còn chị B hiện tại không có nghề nghiệp và không có thu nhập. Vì vậy, xem xét quyền lợi về mọi mặt của cháu Nh thì thấy nên giao cháu Nh cho anh Th trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 luật HNGĐ.

Về cấp dưỡng nuôi con: do anh Th không yêu cầu cấp dưỡng nên tạm thời không buộc nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với chị B.

[7] Về tài sản chung và nợ chung: do không ai yêu cầu nên Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết.

[8] Về án phí: căn cứ khoản 4 Điều 147 của BLTTDS thì anh Th phải chịu án phí sơ thẩm về ly hôn.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án chỉ phù hợp một phần với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận phần phù hợp. Đối với đề nghị tạm ngừng phiên tòa để thu thập thêm lời khai của mẹ chị B và lời khai của chị B, HĐXX xét thấy không cần thiết nên không chấp nhận việc đề nghị tạm ngừng phiên tòa của Kiểm sát viên, bởi vì khi HĐXX chấp nhận cho anh Th và chị B ly hôn thì sẽ giao cháu Nh cho anh Th hoặc chị B nuôi dưỡng chứ không phải giao cho mẹ chị B nuôi dưỡng, đồng thời việc chị B có chăm sóc tốt cho

người con riêng của mình hay không thì không liên quan đến vụ án này và trong vụ án này Tòa án đã thu thập chứng cứ đầy đủ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 228 của BLTTDS;

Căn cứ Điều 19; Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 58; Điều 81, 82, 83, 84 của Luật HNGĐ năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Lâm Tấn Th.

- Về quan hệ hôn nhân: chấp nhận cho anh Lâm Tấn Th được ly hôn với chị Huỳnh Thị Ngọc B.

- Về con chung: giao con chung cháu Lâm Bảo Nh, sinh ngày: 10/3/2016 cho anh Lâm Tấn Th tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng.

Tạm thời không buộc nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với chị Huỳnh Thị Ngọc B.

Khi cần thiết anh Th và chị B được quyền yêu cầu xin thay đổi người nuôi dưỡng và việc cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung vẫn được pháp luật bảo đảm cho đến khi trưởng thành và có khả năng tự lao động nuôi sống bản thân.

- Về tài sản chung và nợ chung: các đương sự khai không có nên không xem xét, giải quyết.

- Về án phí: anh Lâm Tấn Th phải nộp 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí LHST. Chuyển 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tiền tạm ứng án phí anh Th đã nộp thành tiền án phí (biên lai số 004894 ngày 30/5/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Mỹ. Anh Th đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành

án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận :

- TAND. tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND H. Cũ;
- Thi hành án dân sự H. ;
- Những người tham gia tố tụng;
- UBND xã L;
- Lưu án văn;
- Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

Lê Thị Khuyên